TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **174**/2026/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 24 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 508/2026/TLST – VHNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận việc nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

1. Ông **Hà Văn K**, sinh ngày 21/5/1989.

Căn cước số: 020089003737 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/01/2023.

Địa chỉ: Thôn I, xã I, tỉnh Gia Lai.

2. Bà **Bùi Thị M**, sinh ngày 30/4/1991.

Căn cước công dân số: 042191005044 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/10/2024.

Địa chỉ: Tổ I, ấp A, xã T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, ông Hà Văn K và bà Bùi Thị M cùng nộp đơn yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận việc nuôi con chung". Quá trình vận động hòa giải, ông K và bà M thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 16 tháng 4 năm 2026. Bà M cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Nai đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia

đình; Do đó, đơn yêu cầu của ông K và bà M được Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Hà Văn K và bà Bùi Thị M chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 14/8/2019 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là xã I, tỉnh Gia Lai). Ông K và bà Minh xác Đ có 01 (một) người con chung là cháu Hà Gia P, sinh ngày 01/6/2010. Ly hôn, ông K và bà M thống nhất thỏa thuận giao cháu P cho bà M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông K không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, ông K và bà Minh xác Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung, ông K và bà Minh xác Đ không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông K và bà M thừa nhận cả hai chỉ hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc do hai người có nhiều điểm khác biệt trong cách sống và bất đồng quan điểm sống. Ông K và bà Minh xác Đ tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy, ông K và bà M thực sự tự nguyện ly hôn; sự thỏa thuận của ông K và bà M đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai chấp nhận đơn yêu cầu của ông K và bà M.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Văn K và bà Bùi Thị M không đoàn tụ mà đề nghị được công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Hà Văn K và bà Bùi Thị Minh xác Đ có 01 (một) người con chung là cháu Hà Gia P, sinh ngày 01/6/2010. Ly hôn, ông K và bà M thống nhất thỏa thuận giao cháu P cho bà M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời ông K không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông K vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung. Ông K có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của

một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Hà Văn K và bà Bùi Thị Minh xác Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Hà Văn K và bà Bùi Thị Minh xác Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Ông Hà Văn K và bà Bùi Thị M mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mơi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 0008179 và 0008182 ngày 09/4/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông K, bà M đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Ia Krêl, tỉnh Gia Lai (*GCNKH số 52 ngày 14/8/2019*);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Thị Hòa